

Bản án số: 111 /2019/KDTM - PT.

Ngày : 26/9/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Lê Thị Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành - KSV

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 77/2019/TLPT - KDTM ngày 9 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 14 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2019/QĐPT – KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2019/QĐPT-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2019/QĐPT-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2019/QĐPT-KDTM ngày 6 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty T(gọi tắt V)

Địa chỉ: Số 22 H, Phường, Quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ – Tổng giám đốc.

Bên được uỷ quyền : **Ngân hàng A(gọi tắt AB)**

Trụ sở: Số 170 H, phường Đ, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị H - Chuyên viên.

Bị đơn: Công ty N (gọi tắt là Công ty N)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình T - Tổng giám đốc Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương A và ông Nguyễn Đức H - Luật sư Công ty Luật TNHH NHB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tào Ngọc T, sinh năm 1962

Địa chỉ : Số 1, hẻm 376/14/1 K, phường H, quận T, TP Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Hiền N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 10, ngách 3/1V, phường L, quận B, TP Hà Nội.

+ **Công ty B** (gọi tắt là AB)

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco số 36 H, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc L - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Lê N - Trưởng phòng pháp chế.

+ **Công ty V**

Địa chỉ: L1 - 08C Làng kiến trúc phong cảnh khu đô thị cao cấp A, xã An, huyện H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị N - Giám đốc

Bà Trần thị H có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau :

Công ty N và Ngân hàng A- Chi nhánh Hà Nội ký Hợp đồng tín dụng số 2192/15/TD-TT/II ngày 04/06/2015 với mục đích thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị để mở rộng sản xuất theo các hợp đồng kinh tế. Theo nội dung đã thỏa thuận, AB đã giải ngân cho Công ty N vay tiền nhiều lần theo các giấy nhận nợ, chi tiết như sau:

Giấy nhận nợ	Số tiền giải ngân	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm)
Ngày 01/06/2016	2.740.800.000	02/06/2016	15/02/2021	9.5
Ngày 09/05/2016	759.326.400	09/05/2016	15/02/2021	9.5
Ngày 07/03/2016	6.836.999.400	07/03/2016	15/02/2021	9.5
Ngày 15/02/2016	2.459.520.000	15/02/2016	15/02/2021	9.5
Ngày 04/02/2016	2.740.800.000	15/02/2016	15/02/2021	9.5
Tổng	15.537.445.800			

Để đảm bảo cho nghĩa vụ của khoản vay nêu trên, Công ty N đã thế chấp các tài sản tại AB, bao gồm:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền tài sản phát sinh và liên quan từ Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Công chứng Độc Lập công chứng ngày 06/05/2015, số Công chứng 05150492/HĐCNTSGLVĐ ký giữa Công ty M và Công ty N, chi tiết về tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng:

* Tài sản gắn liền với đất:

+ Loại tài sản : Nhà xưởng may công nghiệp và các công trình phụ trợ bao gồm các hạng mục:

- Sân vườn, công tường rào, đường nội bộ, đường ô tô
- Nhà thường trực, trạm bơm, bể nước ngầm, nhà nồi hơi, tháp nước, nhà để xe máy, xe đạp, gara ô tô
- Nhà sản xuất chính
- Nhà ăn, hội trường
- Nhà điều hành
- Công trình phụ trợ khác

+ Tổng diện tích xây dựng: 7.190m² (Bảy nghìn, một trăm chín mươi mét vuông)

* Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Quyền sử dụng đất tại Lô A – Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32, diện tích 15.000 m² (Mười lăm nghìn mét vuông), thời hạn sử dụng đất: 30 năm (từ ngày 11/11/2002 đến hết ngày 11/11/2032), có địa chỉ tại thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

* Hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sở hữu, sử dụng Tài sản bảo đảm nêu trên:

- Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ký giữa Công ty M và Công ty N được Văn phòng Công chứng Độc Lập công chứng ngày 06/05/2015, số công chứng 05150492/HĐCNTSGLVĐ.

- Công văn số 698/UBND-TNMT về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của Công ty M tại thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ ngày 30/01/2015 cho Công ty N.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 814212 do UBND tỉnh Hà Tây (Nay là TP Hà Nội) cấp ngày 06/06/2003, số vào sổ cấp GCN: 02374 QSĐĐ/HT.

- Giấy phép xây dựng số 127/GPXD do UBND huyện Phúc Thọ cấp ngày 09/11/2003.

Các bên đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng Chuyển nhượng bất động sản) công chứng số 000652/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/06/2015 tại Văn phòng Công chứng Đông Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 04/06/2015.

Tài sản 2: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100% , chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150408 ngày 08/04/2015 giữa Công ty C và Công ty N , hóa đơn giá trị gia tăng số 0000179 ngày 06/05/2016, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 02/05/2016 giữa Công ty C và Công ty N . AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000470/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/05/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 30/05/2016.

Tài sản 3: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100% , chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150328 ngày 28/03/2015 giữa Công ty C và Công ty N , hóa đơn giá trị gia tăng số 0000173 ngày 24/12/2015, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 06/01/2016 giữa Công ty C và Công ty N . AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000110/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/02/2016.

Tài sản 4: 01 Máy kéo sợi nhựa PP (Tap Stretching Line), model: SJMH-105x31-1500, chi tiết theo Hợp đồng mua bán số 15HLNP0318 ngày 18/03/2015 ký giữa Công ty N và Hengli Machinery Co.Limited; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, packing List số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, Certificate of quality ngày 31/08/2015, Certificate of Origin ngày 31/08/2015, B/L số 02/09/2015, Insurance Policy; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100562649460. Công ty N và AB đã ký kết bằng Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001326/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 05/06/2015.

Tài sản 5: 01 Máy tráng ghép màng bao bì nhựa SJDF-1200X và 06 bộ Máy dệt bao bì nhựa LTCL-1200 đều có năm sản xuất 2015, xuất xứ Trung Quốc, chi tiết tài sản theo Hợp đồng mua bán số 20150401 ngày 01/04/2015 và phụ lục 1 đính kèm ký giữa Công ty N và Công ty TNHH XNK Yiwu Leatron; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15AUG012 ngày 01/08/2015, packing List ngày 01/08/2015, Certificate of quality ngày 01/08/2015, Certificate of Origin ngày 05/08/2015, B/L số SNL5NBVLA451298 ngày 05/08/2015; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100514857551. Công ty N và AB đã ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001325/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/12/2015.

Tài sản 6: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của ông Tào Ngọc T, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB . Ông Tào Ngọc T, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2167/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Tài sản 7: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của bà Nguyễn Hiền N, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB . Bà Nguyễn Hiền N, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2289/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã

được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Trong quá trình vay vốn tại AB, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. AB đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo yêu cầu khách hàng tự xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ vay...tuy nhiên Công ty N đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, do vậy AB khởi kiện Công ty N, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty N thanh toán cho AB tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 14/06/2018 là: **12.375.395.901 VNĐ** (Mười hai tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm linh một đồng), trong đó:

- Nợ gốc: **11.448.644.275** đồng

- Nợ lãi: **926.751.626** đồng, trong đó:

+ Lãi trong hạn chưa trả: 789.998.253 đồng

+ Lãi quá hạn: 136.753.373 đồng

2. Buộc Công ty N phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với AB kể từ ngày 15/06/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho AB.

3. Trong trường hợp Công ty N không trả được nợ, AB yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp (Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng Chuyển nhượng bất động sản) công chứng số 000652/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/06/2015 tại Văn phòng Công chứng Đông Đa, TP Hà Nội; Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000470/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/05/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội; Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000110/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội; Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001326/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đông Đa, TP Hà Nội; Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001325/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đông Đa, TP Hà Nội; Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2167/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015 và Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2289/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho AB theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, Công ty N vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho AB.

Công ty N không hợp tác nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy được lời khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty N và cũng không có văn bản ý kiến.

Ông Tào Ngọc T và bà Nguyễn Hiền N, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhưng những người này không đến Tòa án. Tòa án đã xác minh tại nơi cư trú của họ thì được UBND phường nơi cư trú cung cấp những người này không còn ở địa chỉ đó nữa. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không lấy được lời khai .

Công ty B(AB) trình bày: Ngày 17/7/2015, AB nhận được hồ sơ của Ngân hàng A , chi nhánh Hà Nội về việc đề nghị xác nhận phong tỏa cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của ông Tào Ngọc T và bà Nguyễn Hiền N. Theo đó, AB với tư cách là thành viên lưu ký đã thực hiện phong tỏa cổ phiếu NHP (kèm theo các quyền lợi phát sinh) trên tài khoản giao dịch chứng khoán của các ông bà nêu trên mở tại AB. Toàn bộ cổ phiếu là tài sản bảo đảm hiện vẫn đang được phong tỏa tại AB.

Việc xử lý tài sản bảo đảm là số cổ phiếu nêu trên sẽ được AB hỗ trợ thực hiện theo yêu cầu của bên nhận cầm cố là Ngân hàng A và/hoặc quyết định của Tòa án, cơ quan Thi hành án. Mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm, các khoản thuế, phí giao dịch (Nộp Sở Giao dịch chứng khoán), phí lưu ký (nộp Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam) và các khoản phí khác phát sinh trên tài khoản của Bên cầm cố sẽ được AB tự động cắt trừ trước khi chuyển trả giá trị tài sản bảo đảm sau khi xử lý.

Công ty V do Bà Ngô Thị N là người đại diện theo pháp luật trình bày: Trước đây, bà có hoạt động kinh doanh cá thể về lĩnh vực nhựa tái chế nên có làm ăn với Công ty N . Do Công ty N nợ tiền nên ngày 29/8/2018, bà thành lập Công ty V và ký “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” với Công ty N. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty V sẽ sử dụng toàn bộ máy móc, nhà xưởng của Công ty N để phục vụ sản xuất bao bì và lợi nhuận sẽ chia cho Công ty N và Công ty V như nội dung hợp đồng. Việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu đòi nợ đối với Công ty N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do bận nhiều công việc, không thể đến tham gia tố tụng được, vì vậy bà N xin phép được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm , nguyên đơn rút yêu cầu về phần tiền phạt chậm trả và giữ nguyên các yêu cầu khác, đề nghị HĐXX buộc Công ty N phải thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 14/02/2019 là: Tiền nợ gốc: 10.249.608.615đ; Tiền nợ lãi trong hạn: 1.425.045.919đ; Tiền nợ lãi quá hạn: 487.404.768đ. Tổng cộng là: 12.162.059.302đ.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 14 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã quyết định như sau :

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A :

Buộc Công ty N phải trả Ngân hàng A số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 2192/15/TD-TT/II ngày 04/06/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 1, lần 2 ngày 05/02/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 3

ngày 30/5/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 4 ngày 25/7/2016, số tiền tạm tính đến ngày 14/02/2019 là:

Tiền nợ gốc là: 10.249.608.615 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.425.045.919 đồng

Nợ lãi quá hạn: 487.404.768 đồng

Tổng cộng: 12.162.059.302 đồng.

Công ty N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 15/02/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty N không thanh toán khoản tiền nợ trên thì AB có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định của pháp luật đối với tài sản là:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền tài sản phát sinh và liên quan từ Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Công chứng Độc Lập công chứng ngày 06/05/2015, số Công chứng 05150492/HĐCNTSGLVĐ ký giữa Công ty M và Công ty N, chi tiết về tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng:

* Tài sản gắn liền với đất:

+ Loại tài sản: Nhà xưởng may công nghiệp và các công trình phụ trợ bao gồm các hạng mục:

- Sân vườn, cổng tường rào, đường nội bộ, đường ô tô
- Nhà thường trực, trạm bơm, bể nước ngầm, nhà nồi hơi, tháp nước, nhà để xe máy, xe đạp, gara ô tô
- Nhà sản xuất chính
- Nhà ăn, hội trường
- Nhà điều hành
- Công trình phụ trợ khác

+ Tổng diện tích xây dựng: 7.190m² (Bảy nghìn, một trăm chín mươi mét vuông)

* Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Quyền sử dụng đất tại Lô A – Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32, diện tích 15.000 m² (Mười lăm nghìn mét vuông), thời hạn sử dụng đất: 30 năm (từ ngày 11/11/2002 đến hết ngày 11/11/2032), có địa chỉ tại thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

* Hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sở hữu, sử dụng Tài sản bảo đảm nêu trên:

- Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ký giữa Công ty M và Công ty N được Văn phòng Công chứng Độc Lập công chứng ngày 06/05/2015, số công chứng 05150492/HĐCNTSGLVĐ.

- Công văn số 698/UBND-TNMT về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của Công ty M tại thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ ngày 30/01/2015 cho Công ty N.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 814212 do UBND tỉnh Hà Tây (Nay là TP Hà Nội) cấp ngày 06/06/2003, số vào sổ cấp GCN: 02374 QSDĐ/HT.

- Giấy phép xây dựng số 127/GPXD do UBND huyện Phúc Thọ cấp ngày 09/11/2003. Các bên đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng Chuyển nhượng bất động sản) công chứng số 000652/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/06/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 04/06/2015 và ngày 30/8/2018, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội.

Tài sản 2: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100%, chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150408 ngày 08/04/2015 giữa Công ty C và Công ty N, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000179 ngày 06/05/2016, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 02/05/2016 giữa Công ty C và Công ty N. AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000470/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/05/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 30/05/2016.

Tài sản 3: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100%, chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150328 ngày 28/03/2015 giữa Công ty C và Công ty N, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000173 ngày 24/12/2015, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 06/01/2016 giữa Công ty C và Công ty N. AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000110/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/02/2016.

Tài sản 4: 01 Máy kéo sợi nhựa PP (Tap Stretching Line), model: SJMH-105x31-1500, chi tiết theo Hợp đồng mua bán số 15HLNP0318 ngày 18/03/2015 ký giữa Công ty N và Hengli Machinery Co.Limited; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, packing List số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, Certificate of quality ngày 31/08/2015, Certificate of Origin ngày 31/08/2015, B/L số 02/09/2015, Insurance Policy; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100562649460. Công ty N và AB đã ký kết bằng Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001326/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 05/06/2015.

Tài sản 5: 01 Máy tráng ghép màng bao bì nhựa SJDF-1200X và 06 bộ Máy dệt bao bì nhựa LTCL-1200 đều có năm sản xuất 2015, xuất xứ Trung Quốc, chi tiết tài sản theo Hợp đồng mua bán số 20150401 ngày 01/04/2015 và phụ lục 1 đính kèm ký giữa Công ty N và Công ty TNHH XNK Yiwu Leatron; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15AUG012 ngày 01/08/2015, packing List ngày 01/08/2015, Certificate of quality ngày 01/08/2015, Certificate of Origin ngày 05/08/2015, B/L số SNL5NBVLA451298 ngày 05/08/2015; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100514857551.

Công ty N và AB đã ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001325/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/12/2015.

Tài sản 6: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của ông Tào Ngọc T, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB. Ông Tào Ngọc T, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2167/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Tài sản 7: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của bà Nguyễn Hiền N, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB. Bà Nguyễn Hiền N, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2289/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Tuyên bố hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTK (không ghi ngày tháng năm) giữa Công ty N với Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu Việt Bách là vô hiệu.

Công ty N và Công ty V có nghĩa vụ chấp hành bàn giao tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì Công ty N phải có trách nhiệm thanh toán nốt số nợ còn lại.

Về án phí: Công ty N phải chịu 120.162.000đ (*Một trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng Asố tiền 93.243.000đ (*Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba đồng*).

Sau khi xét xử sơ thẩm :

- Ngày 4/3/2019, Công ty N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

“ *Nội dung bản án không khách quan, không đúng pháp luật , không đảm bảo quyền và lợi ích cho tôi.*

- *Trong quá trình giải quyết vụ án , Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng , không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi”.*

Tại phiên tòa phúc thẩm :

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 27/5/2019, AB đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty N cho V theo Hợp đồng mua, bán nợ số 1093/2019/MBN.V- ABB. Theo Hợp đồng mua bán nợ này, AB đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ Công ty N cho V. Ngày 27/5/2019, V đã ký hợp đồng ủy quyền số 1093/2019/UQ.V- ABB với AB. Theo đó, V ủy quyền cho AB tiến hành: ký, nộp, bổ sung rút (một phần/toàn bộ) đơn khởi kiện, thoả thuận , thu hồi nợ , đòi nợ , thi hành án liên quan đến khoản nợ trên, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại V là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định.

Căn cứ vào các tài liệu do AB xuất trình tại phiên tòa chấp nhận yêu cầu của V về việc xác định V là nguyên đơn trong vụ án.

[1] Về hợp đồng tín dụng: AB và Công ty N đã ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng yêu cầu Công ty N phải trả nợ lãi trong hạn 11,5% và lãi quá hạn đối với khoản nợ là có căn cứ.

[2] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- Công ty M được UBND Tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W814212 cấp ngày 06/06/2003 tại Lô A - Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32, diện tích 15.000 m² (Mười lăm nghìn mét vuông), thời hạn sử dụng đất: 30 năm (từ ngày 11/11/2002 đến hết ngày 11/11/2032. Ngày 23/7/2015 Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 689286 cho Công ty Minh Phương, ngày 4/5/2016 Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội đã đăng ký biến động cho Công ty N. Ngày 06/5/2015, Công ty Minh Phương và Công ty N ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất số công chứng 05150492 do Văn phòng công chứng độc lập lập. Ngày 03/6/2015, Công ty N và AB đã ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản số 2320/15/TC-TTII có chứng thực số 000652 của Văn phòng công chứng Đồng Đa đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng là phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

- AB và Công ty N ký kết các Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) đều được đăng ký giao dịch đảm bảo phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

- Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên có hiệu lực thi hành.

* Công ty N và Công ty V ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh có nội dung: Công ty V sử dụng toàn bộ diện tích 15.000 m² đất và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất bao bì để hợp tác kinh doanh. Nhưng toàn bộ các tài sản trên đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại AB, việc hợp tác này *không có sự đồng ý* của AB là đã vi

phạm điểm f, khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp đã ký giữa các Công ty N và AB. Trong quá trình giải quyết vụ án AB, Công ty N Công ty V không yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng hợp tác kinh tế giữa Công ty N và Công ty V vô hiệu. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm xét xử tuyên Hợp đồng hợp tác kinh tế giữa Công ty N và Công ty V vô hiệu là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của AB.

Từ những phân tích đánh giá trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử :

- Bác kháng cáo của bị đơn.
- Sửa một phần án sơ thẩm theo hướng: xác định V là nguyên đơn trong vụ án , không chấp nhận tuyên hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTK (không ghi ngày tháng năm) giữa Công ty N với Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu Việt Bách là vô hiệu
- Về án phí sơ thẩm: Cty NHP phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Công ty N có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp khoản 1 điều 228 , khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Luật sư Nguyễn Thị Phương A , Luật sư Nguyễn Đức H, Ông Tào Ngọc T, Bà Nguyễn Hiền N, Công ty V, nhưng đều vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào các tài liệu do AB nộp bổ sung tại phiên toà phúc thẩm, thấy rằng: Ngày 27/5/2019, AB do ông Nguyễn Mạnh Q đại diện và V do ông Đặng Đình T đại diện đã ký Hợp đồng mua, bán nợ số 1093/2019/MBN.V- ABB về việc AB đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty N cho V. Ngày 27/5/2019, V do ông Đặng Đình T đại diện và AB do ông Nguyễn Mạnh Q đại diện đã ký đã ký hợp đồng ủy quyền số 1093/2019/UQ.V- ABB với AB về việc V ủy quyền cho AB tiến hành: ký, nộp, bổ sung rút (một phần/toàn bộ) đơn khởi kiện, thoả thuận , thu hồi nợ , đòi nợ , thi hành án liên quan đến khoản nợ trên. Thấy rằng AB , V ký kết hợp đồng mua bán nợ và hợp đồng uỷ quyền nêu trên theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy theo quy định tại điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015 thì V trở thành chủ sở hữu khoản nợ của Công ty N và có quyền yêu cầu Công ty N thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do vậy chấp nhận yêu cầu của AB sửa án sơ thẩm xác định V là nguyên đơn trong vụ án.

Tại Đơn kháng cáo Công ty N không nêu rõ những vi phạm về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm và phiên tòa phúc thẩm Công ty N không có mặt, không có bất kỳ một văn bản nào trình bày về nội dung vụ án, nội dung, lý do kháng cáo, không nộp các tài liệu chứng cứ liên quan để chứng minh cho những yêu cầu kháng cáo của mình là vi phạm khoản 8 điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về nội dung:

Khoản 15,16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự quy định : “ *Đương sự có quyền và nghĩa vụ sau : tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của Bộ luật này. Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc* ”Khoản 1 điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự quy định : “ *Đương sự phải tự viết bản tự khai và ký tên của mình* ” , Khoản 4 điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định : “ *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc* ” ,thấy rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty N nhưng Công ty N không có mặt, không có quan điểm, không nộp các tài liệu chứng cứ liên quan để chứng minh, gây khó khăn cho Tòa án khi giải quyết vụ án và kéo dài thời gian giải quyết vụ án là vi phạm Khoản 15,16 điều 70, điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết theo quy định tại Khoản 4 điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

1/ Về hợp đồng tín dụng : Công ty N và AB – Chi nhánh Hà Nội ký Hợp đồng tín dụng số: 2192/15/TD-TT/II ngày 04/06/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 1, lần 2 ngày 05/02/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 3 ngày 30/5/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 4 ngày 25/7/2016, thấy rằng hai bên ký kết các Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật, nên phát sinh hiệu lực, Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty N có trách nhiệm trả nợ cho AB (nay là V) số tiền nợ gốc là: 10.249.608.615 đồng, Nợ lãi trong hạn: 1.425.045.919 đồng, Nợ lãi quá hạn: 487.404.768 đồng, Tổng cộng: 12.162.059.302 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

2/ Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm :

Các Hợp đồng thế chấp và tài thế chấp gồm :

Tài sản 1: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100% , chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150408 ngày 08/04/2015 giữa Công ty C và Công ty

N , hóa đơn giá trị gia tăng số 0000179 ngày 06/05/2016, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 02/05/2016 giữa Công ty C và Công ty N . AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000470/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/05/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 30/05/2016.

Tài sản 2: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100% , chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150328 ngày 28/03/2015 giữa Công ty C và Công ty N , hóa đơn giá trị gia tăng số 0000173 ngày 24/12/2015, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 06/01/2016 giữa Công ty C và Công ty N . AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000110/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/02/2016.

Tài sản 3: 01 Máy kéo sợi nhựa PP (Tap Stretching Line), model: SJMH-105x31-1500, chi tiết theo Hợp đồng mua bán số 15HLNP0318 ngày 18/03/2015 ký giữa Công ty N và Hengli Machinery Co.Limited; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, packing List số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, Certificate of quality ngày 31/08/2015, Certificate of Origin ngày 31/08/2015, B/L số 02/09/2015, Insurance Policy; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100562649460. Công ty N và AB đã ký kết bằng Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001326/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/12/2015.

Tài sản 4: 01 Máy tráng ghép màng bao bì nhựa SJDF-1200X và 06 bộ Máy dệt bao bì nhựa LTCL-1200 đều có năm sản xuất 2015, xuất xứ Trung Quốc, chi tiết tài sản theo Hợp đồng mua bán số 20150401 ngày 01/04/2015 và phụ lục 1 đính kèm ký giữa Công ty N và Công ty TNHH XNK Yiwu Leatron; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15AUG012 ngày 01/08/2015, packing List ngày 01/08/2015, Certificate of quality ngày 01/08/2015, Certificate of Origin ngày 05/08/2015, B/L số SNL5NBVLA451298 ngày 05/08/2015; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100514857551. Công ty N và AB đã ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001325/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/12/2015.

Tài sản 5: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của ông Tào Ngọc T, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB. Ông Tào Ngọc T, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2167/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Tài sản 6: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của bà Nguyễn Hiền N, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB. Bà Nguyễn Hiền N, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2289/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Xét thấy: Các Hợp đồng thế chấp tài sản, Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi dân sự, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định tại các Điều 326, 327, 331, 332, 333 Bộ luật dân sự năm 2005, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của AB (nay là V) về việc nếu trường hợp Công ty N không trả nợ thì AB (nay là V) có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Nguyên đơn là phù hợp với pháp luật nên, chấp nhận.

Tài sản 7:

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện : Công ty M được UBND Tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W814212 ngày 06/06/2003 đối với thửa đất tại Lô A - Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32, diện tích 15.000 m² (Mười lăm nghìn mét vuông), thời hạn sử dụng đất: 30 năm (từ ngày 11/11/2002 đến hết ngày 11/11/2032. Ngày 23/7/2015 Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 689286 cho Công ty Minh Phương, ngày 4/5/2016 Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội đã đăng ký biến động cho Công ty N đối với thửa đất có diện tích 15.000 m² tại thửa đất Lô A - Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32. Ngày 06/5/2015, Công ty Minh Phương và Công ty N ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Lô A - Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32 số công chứng 05150492 do Văn phòng công chứng độc lập công chứng. Ngày 03/6/2015, Công ty N và AB đã ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản số 2320/15/TC-TTII có công chứng chứng thực số 000652 của Văn phòng công chứng Đổng Đa đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 4/06/2015 và đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng ngày 30/8/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của AB (nay là V) về việc nếu Công ty N không trả nợ thì AB (

nay là V) có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Nguyên đơn là phù hợp với pháp luật , nên chấp nhận.

* Công ty N và Công ty V ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh có nội dung: Công ty V sử dụng toàn bộ diện tích 15.000 m² đất và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất bao bì để hợp tác kinh doanh. Thấy rằng toàn bộ các tài sản trên đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại AB, việc hợp tác kinh doanh này *không có sự đồng ý* của AB là vi phạm điểm f, khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp và khoản 5 điều 349 Bộ luật dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án AB, Công ty N , Công ty V không yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng hợp tác kinh tế giữa Công ty N và Công ty V vô hiệu. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm xét xử tuyên Hợp đồng hợp tác kinh tế giữa Công ty N và Công ty V vô hiệu là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của AB (nay là V), do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung trên . Như đã phân tích ở trên trong trường hợp Công ty N không trả nợ thì AB (nay là V) có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng và những cá nhân, tổ chức đang quản lý các tài sản thế chấp phải bàn giao tài sản thế chấp theo quyết định của cơ quan Thi hành án.

Về án phí phúc thẩm : Công ty N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 322, 323, 342, khoản 5 điều 349, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Khoản 15,16 điều 70, Khoản 1 điều 98, Khoản 4 điều 91 khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của Công ty N .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số số 01/2019/ KDTM – ST ngày 14 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ và quyết định như sau :

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A(nay là Công ty T)

Buộc Công ty N phải trả Công ty T số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 2192/15/TD-TT/II ngày 04/06/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 1, lần 2 ngày 05/02/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 3 ngày 30/5/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng lần 4 ngày 25/7/2016, số tiền tạm tính đến ngày 14/02/2019 là:

Tiền nợ gốc là: 10.249.608.615 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.425.045.919 đồng

Nợ lãi quá hạn: 487.404.768 đồng

Tổng cộng: 12.162.059.302 đồng (mười hai tỷ một trăm sáu mươi hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn ba trăm linh hai đồng)

Công ty N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 15/02/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty N không thanh toán khoản tiền nợ trên thì Công ty T có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định của pháp luật đối với tài sản là:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền tài sản phát sinh và liên quan từ Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Công chứng Độc Lập công chứng ngày 06/05/2015, số Công chứng 05150492/HĐCNTSGLVĐ ký giữa Công ty M và Công ty N, chi tiết về tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng:

* Tài sản gắn liền với đất:

+ Loại tài sản: Nhà xưởng may công nghiệp và các công trình phụ trợ bao gồm các hạng mục:

- Sân vườn, công tường rào, đường nội bộ, đường ô tô

- Nhà thường trực, trạm bơm, bể nước ngầm, nhà nồi hơi, tháp nước, nhà để xe máy, xe đạp, gara ô tô

- Nhà sản xuất chính

- Nhà ăn, hội trường

- Nhà điều hành

- Công trình phụ trợ khác

+ Tổng diện tích xây dựng: 7.190m² (Bảy nghìn, một trăm chín mươi mét vuông)

* Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Quyền sử dụng đất tại Lô A – Quy hoạch điểm công nghiệp Tích Giang, bên đường Quốc lộ 32, diện tích 15.000 m² (Mười lăm nghìn mét vuông), thời hạn sử dụng đất: 30 năm (từ ngày 11/11/2002 đến hết ngày 11/11/2032), có địa chỉ tại thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội.

* Hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sở hữu, sử dụng Tài sản bảo đảm nêu trên:

- Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ký giữa Công ty M và Công ty N được Văn phòng Công chứng Độc Lập công chứng ngày 06/05/2015, số công chứng 05150492/HĐCNTSGLVĐ.

- Công văn số 698/UBND-TNMT về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của Công ty M tại thôn Điềm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ ngày 30/01/2015 cho Công ty N.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 814212 do UBND tỉnh Hà Tây (Nay là TP Hà Nội) cấp ngày 06/06/2003, số vào sổ cấp GCN: 02374 QSDĐ/HT.

- Giấy phép xây dựng số 127/GPXD do UBND huyện Phúc Thọ cấp ngày 09/11/2003.

Các bên đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng Chuyển nhượng bất động sản) công chứng số 000652/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/06/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 04/06/2015 và ngày 30/8/2018, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội.

Tài sản 2: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100%, chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150408 ngày 08/04/2015 giữa Công ty C và Công ty N, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000179 ngày 06/05/2016, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 02/05/2016 giữa Công ty C và Công ty N. AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000470/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/05/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 30/05/2016.

Tài sản 3: Tài sản là 08 bộ máy dệt 6 thoi SBYZ-850x6 mới 100%, chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số CP-NHP20150328 ngày 28/03/2015 giữa Công ty C và Công ty N, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000173 ngày 24/12/2015, Biên bản nghiệm thu máy dệt SBYZ-850x6 ngày 06/01/2016 giữa Công ty C và Công ty N. AB và Công ty N đã cùng ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng 000110/2016/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2016 tại Văn phòng Công chứng Lê Dung, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/02/2016.

Tài sản 4: 01 Máy kéo sợi nhựa PP (Tap Stretching Line), model: SJMH-105x31-1500, chi tiết theo Hợp đồng mua bán số 15HLNP0318 ngày 18/03/2015 ký giữa Công ty N và Hengli Machinery Co.Limited; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commerical Invoice số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, packing List số 15HLNP0318 ngày 28/08/2015, Certificate of quality ngày 31/08/2015, Certificate of Origin ngày 31/08/2015, B/L số 02/09/2015, Insurance Policy; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100562649460. Công ty N và AB đã ký kết bằng Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001326/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/12/2015.

Tài sản 5: 01 Máy tráng ghép màng bao bì nhựa SJDF-1200X và 06 bộ Máy dệt bao bì nhựa LTCL-1200 đều có năm sản xuất 2015, xuất xứ Trung Quốc, chi tiết tài sản theo

Hợp đồng mua bán số 20150401 ngày 01/04/2015 và phụ lục 1 đính kèm ký giữa Công ty N và Công ty TNHH XNK Yiwu Leatron; Bộ chứng từ nhập khẩu: Commercial Invoice số 15AUG012 ngày 01/08/2015, packing List ngày 01/08/2015, Certificate of quality ngày 01/08/2015, Certificate of Origin ngày 05/08/2015, B/L số SNL5NBVLA451298 ngày 05/08/2015; Tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 100514857551. Công ty N và AB đã ký Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số công chứng số 000001325/2015/HĐTC-AB quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2015 tại Văn phòng Công chứng Đồng Đa, TP Hà Nội. Các bên đã hoàn thiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/12/2015.

Tài sản 6: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của ông Tào Ngọc T, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB. Ông Tào Ngọc T, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2167/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Tài sản 7: 250.000 cổ phiếu NHP thuộc sở hữu của bà Nguyễn Hiền N, cổ phiếu đang lưu ký tại Công ty AB. Bà Nguyễn Hiền N, Công ty N và AB cùng ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 2289/15/CC-TT/II ngày 26/06/2015. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/06/2015.

Công ty N và Công ty V có nghĩa vụ chấp hành bàn giao tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì Công ty N phải có trách nhiệm thanh toán nốt số nợ còn lại.

Về án phí: Công ty N phải chịu 120.162.000đ (*Một trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ nộp tại Biên lai số 5586 ngày 8/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, còn phải nộp 119.862.000đ. Hoàn trả lại Ngân hàng A(nay là Công ty T) số tiền 93.243.000đ (*Chín mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005343 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/9/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Huyện Phúc Thọ;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh

